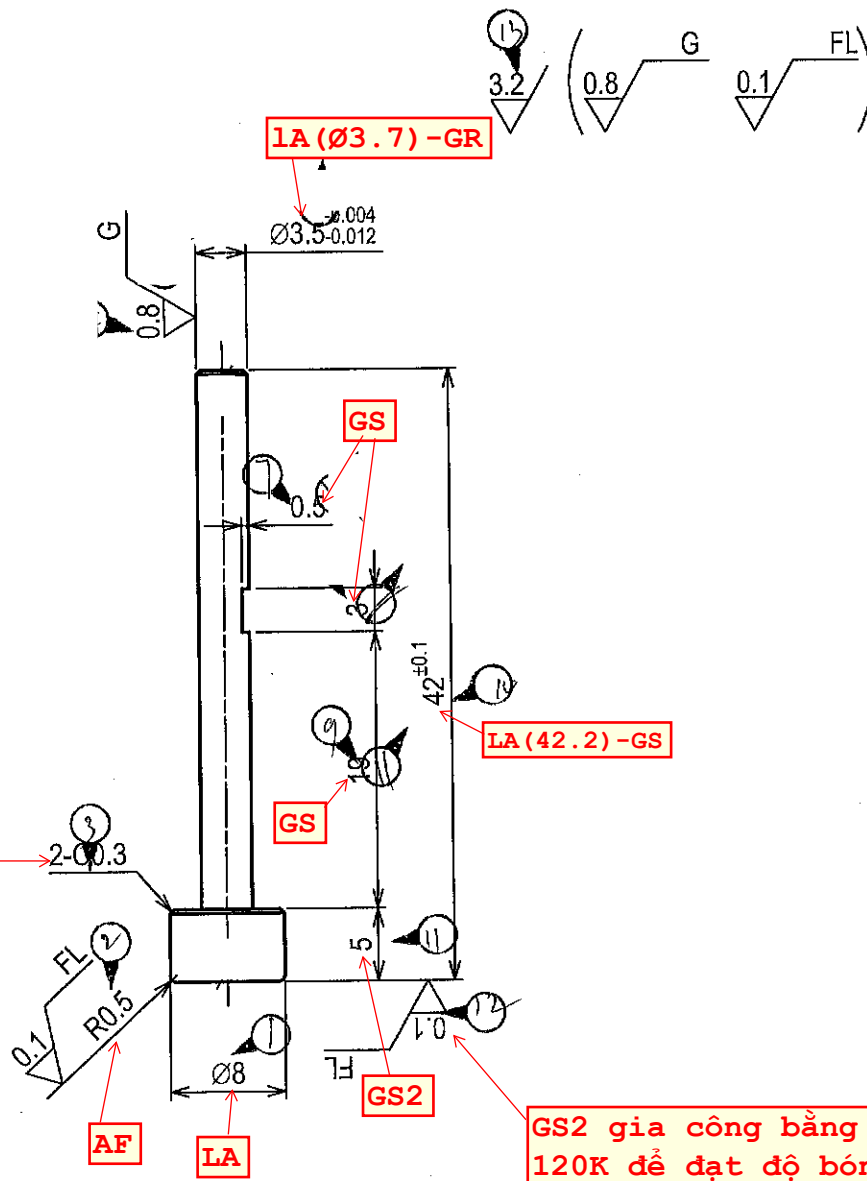


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2017/04/22		DVB-0190	Do Quang Ham	Dong Khac Tu	0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△						6 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0418-k
						FINISH MARKS

12/29



30  
40  
35  
30  
10

10791

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Nguyen Khanh Khoa	Dong Khac Tu	部品図 PART DRAWING	セットピン SET PIN
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	固定銷
HRC 58° ~ 62°		部品図	固定銷
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2017/04/22	2:1	R091417

φ10 747

SNO: **R091417**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKD11</b> <b>Ø8*52</b>	LA:40 HT:40 GR:30 GS:30 AF:15 KT